

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ**

Số: 15.8.1 /2022/SDD-CBTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC và SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

- Mã chứng khoán: SDD
- Địa chỉ: Nhà máy thủy điện Mương Sang 2 xã Mương Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- Điện thoại liên hệ :02422112194 Website:songdaic.vn
- Người thực hiện công bố thông tin : ông **Lê Quảng Đại** – Người được ủy quyền công bố thông tin.
- Loại thông tin công bố : 24 h 72h Bất thường Yêu cầu Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam và Giải trình Lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10 % so với cùng kỳ năm trước.

3. Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang Website: <http://songdaic.vn> đường dẫn: quan hệ cổ đông

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên .
- Lưu VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Lê Quảng Đại

*Đính kèm : Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét và giải trình lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Nho Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/06/2022
Ông Phạm Văn Minh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/05/2022
Ông Nguyễn Tiến Khanh	Ủy viên	
Ông Lê Quang Đại	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2022
Ông Vũ Hà Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2022
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2022
Ông Trần Trung Thiện	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2022

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Khanh	Giám đốc	
Ông Nguyễn Phương Đông	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
Ông Trần Trung Thiện	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/06/2022

Ban Kiểm soát

Bà Trần Ngọc Quỳnh Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/05/2022
	Thành viên	Đến ngày 31/05/2022
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/05/2022
Ông Nguyễn Phương Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2022
Ông Ngô Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2022
Bà Trịnh Khánh Dung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 659 /BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Bàn thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

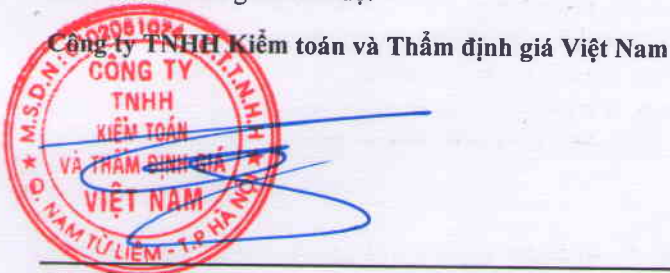
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.897.008.702	9.822.732.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	917.713.913	1.434.384.611
1. Tiền	111		917.713.913	1.434.384.611
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.161.200	2.161.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.161.200	2.161.200
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.913.479.950	5.221.444.083
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.856.278.877	5.072.799.897
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	81.249.000.000	349.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	28.962.239	20.405.352
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(220.761.166)	(220.761.166)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.714.285.632	2.714.285.632
1. Hàng tồn kho	141		2.714.285.632	2.714.285.632
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		349.368.007	450.457.276
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	18.136.715	119.323.744
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.760	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	331.133.532	331.133.532
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		238.156.719.292	243.100.556.884
II. Tài sản cố định	220		214.641.703.608	219.585.541.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	214.641.703.608	219.585.541.200
- Nguyên giá	222		232.769.108.112	232.769.108.112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.127.404.504)	(13.183.566.912)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.000.000)	(100.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	22.859.970.229	22.859.970.229
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.859.970.229	22.859.970.229
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	655.045.455	655.045.455
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		655.045.455	655.045.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		327.053.727.994	252.923.289.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		194.369.039.221	116.471.839.435
I. Nợ ngắn hạn	310		128.932.289.221	48.435.089.435
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.688.846.975	17.551.199.062
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	81.000.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.010.929.860	652.530.104
4. Phải trả người lao động	314		269.625.633	540.772.700
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		367.687.028	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.395.549.988	13.080.937.832
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	17.859.297.208	16.269.297.208
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		340.352.529	340.352.529
II. Nợ dài hạn	330		65.436.750.000	68.036.750.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	1.526.750.000	1.526.750.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	63.910.000.000	66.510.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132.684.688.773	136.451.450.251
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	132.684.688.773	136.451.450.251
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.076.850.000	160.076.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.076.850.000	160.076.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.603.459	48.603.459
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.510.000)	(3.510.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.334.615.191	1.334.615.191
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.771.869.877)	(25.005.108.399)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(25.005.108.399)	(13.866.935.199)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.766.761.478)	(11.138.173.200)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		327.053.727.994	252.923.289.686


Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởngNguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	16.254.608.402	23.876.540.011
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		16.254.608.402	23.876.540.011
4. Giá vốn hàng bán	11	21	15.893.784.333	26.237.611.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		360.824.069	(2.361.071.880)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		816.630	3.437.549
7. Chi phí tài chính	22	22	3.426.753.513	3.339.780.352
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.426.753.513	3.339.780.352
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	686.598.664	472.141.012
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(3.751.711.478)	(6.169.555.695)
11. Thu nhập khác	31		-	363.636.364
12. Chi phí khác	32		15.050.000	30.511.113
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(15.050.000)	333.125.251
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.766.761.478)	(5.836.430.444)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	121.922.019
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(3.766.761.478)	(5.958.352.463)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(235)	(372)

(Handwritten signature)



Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quang Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiên Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀTầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

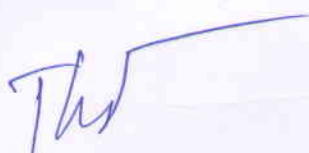
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		100.479.142.827	38.589.546.036
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(94.671.869.017)	(27.768.640.478)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.354.020.118)	(1.133.895.145)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.059.066.485)	(3.335.467.378)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(174.174.313)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	11.654.489.530
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(901.674.535)	(12.947.350.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		492.512.672	4.884.507.263
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	400.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		816.630	3.437.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		816.630	403.437.549
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.010.000.000)	(5.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.010.000.000)	(5.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(516.670.698)	(162.055.188)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.434.384.611	3.683.189.943
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	917.713.913	3.521.134.755


Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500450173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 05 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 160.076.850.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 160.076.850.000 đồng; tương đương 16.007.685 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư, Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư, kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước;
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Khoan nổ mìn, khai thác vật liệu xây dựng;
- Tư vấn giám sát trong các lĩnh vực: thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, cầu và đường bộ, điện đường dây và trạm, khảo sát địa chất thủy văn, trắc địa công trình;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị, gia công cơ khí;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 20 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 | năm |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	96.420.400	64.572.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	821.293.513	1.369.811.911
	917.713.913	1.434.384.611

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	2.161.200	-	-	-
Cổ phiếu PET	2.070.000	-	-	-
Cổ phiếu khác	91.200	-	-	-
	2.161.200	-	-	2.161.200

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	655.045.455	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (*)	654.545.455	-	-	-
Cổ phiếu lẻ của Công ty Cổ phần Sông Đà 2	500.000	-	-	-
	655.045.455	-	-	655.045.455

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Do cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá trị trường của cổ phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀTầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	144.281.158	544.281.158
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	2.419.798.480	974.251.596
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	-	1.351.267.652
Công ty Điện lực Điện Biên	1.067.639.713	1.982.238.325
Các khoản phải thu khách hàng khác	224.559.526	220.761.166
	3.856.278.877	5.072.799.897

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CDC (*)	80.900.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Công nghệ và kỹ thuật điện	349.000.000	-	349.000.000	-
	81.249.000.000	-	349.000.000	-

(*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà trả trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CDC để mua các mặt hàng gạch và ngói các loại theo hợp đồng kinh tế số 02/2021/HĐMB/SDD-CDC ngày 01/10/2021.

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	8.556.887	-	-	-
Phải thu khác	20.405.352	-	20.405.352	-
	28.962.239	-	20.405.352	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.714.285.632	-	2.714.285.632	-
	2.714.285.632	-	2.714.285.632	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀTầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***11 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	22.859.970.229	22.859.970.229
Dự án Thủy điện Mường Sang 2 - Mộc Châu - Sơn La (*)	19.677.639.091	19.677.639.091
Dự án Thủy điện Thu Cúc (**)	3.182.331.138	3.182.331.138
	22.859.970.229	22.859.970.229

(*) Tại ngày 30/06/2022, dự án công trình Thủy điện Mường Sang 2 vẫn đang trong giai đoạn sửa chữa, nâng cấp.

(**) Đây là công trình dựa trên thỏa thuận hợp tác kinh doanh về việc hợp tác Đầu tư Dự án thủy điện Thu Cúc ký ngày 22 tháng 04 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (SONGDA IC) và Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SODACO).

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	170.322.725.395	52.377.342.270	10.069.040.447	232.769.108.112
Tại ngày 30/06/2022	170.322.725.395	52.377.342.270	10.069.040.447	232.769.108.112
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	7.980.747.898	4.689.225.947	513.593.067	13.183.566.912
Trích khấu hao	3.130.952.012	1.309.433.557	503.452.023	4.943.837.592
Tại ngày 30/06/2022	11.111.699.910	5.998.659.504	1.017.045.090	18.127.404.504
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	162.341.977.497	47.688.116.323	9.555.447.380	219.585.541.200
Tại ngày 30/06/2022	159.211.025.485	46.378.682.766	9.051.995.357	214.641.703.608

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phí bảo hiểm công trình	14.296.777	86.866.944
Chi phí trả trước khác	3.839.938	32.456.800
	18.136.715	119.323.744

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀTầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6 Điện Biên	2.183.833.506	2.183.833.506	3.098.432.118	3.098.432.118
Công ty TNHH Tân An	1.477.925.200	1.477.925.200	1.477.925.200	1.477.925.200
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	1.587.527.637	1.587.527.637	1.587.527.637	1.587.527.637
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng và Xây lắp Sông Đà	4.757.725.349	4.757.725.349	4.757.725.349	4.757.725.349
Công ty TNHH MTV Xây dựng Phạm Phú Hào	-	-	1.337.754.975	1.337.754.975
Các khoản phải trả khác	4.681.835.283	4.681.835.283	5.291.833.783	5.291.833.783
	14.688.846.975	14.688.846.975	17.551.199.062	17.551.199.062

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần CMC (*)	81.000.000.000	-
	81.000.000.000	-

(*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần CMC trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà để mua các mặt hàng gạch và ngói các loại theo hợp đồng kinh tế số 29/2021/HĐMB/CMC-SDD ngày 05/10/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	450.979.507	560.506.326	340.111.659	-	671.374.174
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	331.133.532	-	-	-	331.133.532	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	50.670.372	12.510.000	48.604.988	-	14.575.384
Thuế Tài nguyên	-	25.870.597	494.507.905	297.226.288	-	223.152.214
Thuế bảo vệ môi trường	-	125.009.628	151.500.060	174.681.600	-	101.828.088
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	331.133.532	652.530.104	1.224.024.291	865.624.535	331.133.532	1.010.929.860

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
 Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	45.195.043	36.307.491
Bảo hiểm xã hội	799.891.949	785.331.255
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	10.903.745.908	10.612.581.998
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng và Xây lắp Sông Đà - Khoản đặt cọc bảo lãnh thủy điện Mường Sang 2	1.642.117.088	1.642.117.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.600.000	4.600.000
	<u>13.395.549.988</u>	<u>13.080.937.832</u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (*)	1.526.750.000	1.526.750.000
	<u>1.526.750.000</u>	<u>1.526.750.000</u>
<p>(*) Đây là khoản tiền mà Công ty nhận hợp tác kinh doanh từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SODACO) theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh về việc đầu tư Dự án Thủy điện Thu Cúc.</p>		
c) Phải trả khác là các bên liên quan		
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)</i>	<u>10.903.745.908</u>	<u>10.612.581.998</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	7.269.297.208	7.269.297.208	-	-	7.269.297.208	7.269.297.208
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	7.269.297.208	7.269.297.208	-	-	7.269.297.208	7.269.297.208
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	9.000.000.000	9.000.000.000	2.600.000.000	1.010.000.000	10.590.000.000	10.590.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	2.600.000.000	1.010.000.000	10.590.000.000	10.590.000.000
- Chi nhánh Sơn La			2.600.000.000	1.010.000.000	17.859.297.208	17.859.297.208
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	75.510.000.000	75.510.000.000	-	1.010.000.000	74.500.000.000	74.500.000.000
- Chi nhánh Sơn La						
	75.510.000.000	75.510.000.000	-	1.010.000.000	74.500.000.000	74.500.000.000
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	9.000.000.000	9.000.000.000	2.600.000.000	1.010.000.000	10.590.000.000	10.590.000.000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	66.510.000.000	66.510.000.000			63.910.000.000	63.910.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2022	01/01/2022
VND	10,20%	Tin chấp	VND 7.269.297.208	VND 7.269.297.208
			7.269.297.208	7.269.297.208

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	30/06/2022	01/01/2022
VND	8,55% - 9,6%	2026 - 2028	Tài sản hình thành từ khoản vay	VND 74.500.000.000	VND 75.510.000.000
				74.500.000.000	75.510.000.000
				10.590.000.000	9.000.000.000
				63.910.000.000	66.510.000.000

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
	Góc	Góc
	VND	VND
Vay		
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	7.269.297.208	7.269.297.208
Cùng Giám đốc	367.687.028	-
	7.269.297.208	7.269.297.208

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021						
Tại ngày 01/01/2021	160.076.850.000	48.603.459	(3.510.000)	1.334.615.191	(14.187.206.249)	147.269.352.401
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	(822.108.266)	(822.108.266)
Tại ngày 30/06/2021	160.076.850.000	48.603.459	(3.510.000)	1.334.615.191	(15.009.314.515)	146.447.244.135
Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022						
Tại ngày 01/01/2022	160.076.850.000	48.603.459	(3.510.000)	1.334.615.191	(25.005.108.399)	136.451.450.251
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(3.766.761.478)	(3.766.761.478)
Tại ngày 30/06/2022	160.076.850.000	48.603.459	(3.510.000)	1.334.615.191	(28.771.869.877)	132.684.688.773

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022	01/01/2022	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
	VND	VND	(%)	(%)
Bà Lê Trần Vi Thảo	10.000.000.000	-	6,25%	0,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	150.076.850.000	160.076.850.000	93,75%	100,00%
	160.076.850.000	160.076.850.000	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀTầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	160.076.850.000	160.076.850.000
- Vốn góp đầu kỳ	160.076.850.000	160.076.850.000
- Vốn góp cuối kỳ	160.076.850.000	160.076.850.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.007.685	16.007.685
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.007.685	16.007.685
- Cổ phiếu phổ thông	16.007.685	16.007.685
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	351	351
- Cổ phiếu phổ thông	351	351
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.007.334	16.007.334
- Cổ phiếu phổ thông	16.007.334	16.007.334
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.334.615.191	1.334.615.191
	1.334.615.191	1.334.615.191

20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu bán điện	6.548.623.419	3.630.013.982
Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.705.984.983	20.246.526.029
	16.254.608.402	23.876.540.011

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn bán điện	6.284.859.201	6.193.551.122
Giá vốn hợp đồng xây dựng	9.608.925.132	20.044.060.769
	15.893.784.333	26.237.611.891

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀTầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.426.753.513	3.339.780.352
	3.426.753.513	3.339.780.352

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	298.000	6.275.445
Chi phí nhân công	604.558.050	382.973.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.575.002
Thuế, phí, lệ phí	13.348.574	4.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(120.043.157)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.000.000	137.563.000
Chi phí khác bằng tiền	19.394.040	58.796.776
	686.598.664	472.141.012

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.766.761.478)	(5.836.430.444)
Các khoản điều chỉnh tăng	15.050.000	727.113
- Chi phí không hợp lệ	15.050.000	727.113
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(118.851)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(118.851)
Thu nhập tính thuế TNDN	(3.751.711.478)	(5.835.822.182)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	121.922.019
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	121.922.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(331.133.532)	(278.881.238)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(174.174.313)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	(331.133.532)	(331.133.532)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	121.922.019
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(331.133.532)	(331.133.532)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(3.766.761.478)	(5.958.352.463)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(3.766.761.478)	(5.958.352.463)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	16.007.334	16.007.334
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(235)	(372)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.898.000	73.584.536
Chi phí nhân công	1.367.314.410	1.293.775.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.943.837.592	5.079.401.226
Thuế, phí và lệ phí	13.348.574	17.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.199.510.381	298.699.251
Chi phí khác bằng tiền	131.172.540	79.165.606
	16.672.081.497	6.842.425.797

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀTầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	917.713.913	-	1.434.384.611	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.885.241.116	-	5.093.205.249	-
Đầu tư ngắn hạn	2.161.200	-	2.161.200	-
Đầu tư dài hạn	655.045.455	-	655.045.455	-
	5.460.161.684	-	7.184.796.515	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	81.769.297.208	82.779.297.208
Phải trả người bán, phải trả khác	29.611.146.963	32.158.886.894
Chi phí phải trả	367.687.028	-
	111.748.131.199	114.938.184.102

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	917.713.913	-	-	917.713.913
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.885.241.116	-	-	3.885.241.116
Đầu tư ngắn hạn	2.161.200	-	-	2.161.200
Đầu tư dài hạn	-	-	655.045.455	655.045.455
	4.805.116.229	-	655.045.455	5.460.161.684
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.434.384.611	-	-	1.434.384.611
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.093.205.249	-	-	5.093.205.249
Đầu tư ngắn hạn	2.161.200	-	-	2.161.200
Đầu tư dài hạn	-	-	655.045.455	655.045.455
	6.529.751.060	-	655.045.455	7.184.796.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	17.859.297.208	63.910.000.000	-	81.769.297.208
Phải trả người bán, phải trả khác	28.084.396.963	-	1.526.750.000	29.611.146.963
Chi phí phải trả	367.687.028	-	-	367.687.028
	46.311.381.199	63.910.000.000	1.526.750.000	111.748.131.199
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	16.269.297.208	57.900.000.000	8.610.000.000	82.779.297.208
Phải trả người bán, phải trả khác	30.632.136.894	-	1.526.750.000	32.158.886.894
	46.901.434.102	57.900.000.000	10.136.750.000	114.938.184.102

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động bán điện VND	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động xây lắp VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.548.623.419	-	9.705.984.983	-	16.254.608.402	-	16.254.608.402
Chi phí bộ phận trực tiếp	6.284.859.201	-	9.608.925.132	-	15.893.784.333	-	15.893.784.333
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	263.764.218	-	97.059.851	-	360.824.069	-	360.824.069
Tài sản bộ phận trực tiếp	237.110.076.254	80.900.000.000	7.128.942.993	-	325.139.019.247	-	325.139.019.247
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.914.708.747	-	1.914.708.747
Tổng tài sản	237.110.076.254	80.900.000.000	7.128.942.993	-	327.053.727.994	-	327.053.727.994
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	94.037.084.620	81.000.000.000	12.550.401.532	-	187.587.486.152	-	187.587.486.152
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	6.781.553.069	-	6.781.553.069
Tổng nợ phải trả	94.037.084.620	81.000.000.000	12.550.401.532	-	194.369.039.221	-	194.369.039.221

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀTầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ,
Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021	
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021	
	VND	VND	
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Cùng Giám đốc	315.892.509	5.825.258.069

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022	
	VND	VND	
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Cùng Giám đốc	10.903.745.908	10.612.581.998

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc; Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	292.300.000	139.200.000
Ông Nguyễn Nho Trung	12.000.000	-
Ông Vũ Hà Nam	-	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	-	24.000.000
Ông Nguyễn Tiến Khanh	192.000.000	24.600.000
Ông Trần Trung Thiện	300.000	24.600.000
Ông Nguyễn Phương Đông	32.000.000	-
Ông Lê Quảng Đại	32.000.000	-
Bà Đinh Thị Hạnh	-	18.000.000
Bà Trịnh Khánh Dung	-	12.000.000
Bà Trần Ngọc Quỳnh Anh	12.000.000	12.000.000
Ông Ngô Tiến Dũng	12.000.000	-

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.


Lê Đại Thăng
Người lập



Lê Quảng Đại
Kế toán trưởngNguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022